

Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 10/5/2022



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
binhtth@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
47/GP-XBBT ngày 19/8/2021

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	11
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	16
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	20
THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN	23
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	27
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	31

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ◆ Cao su: Đầu tháng 5/2022, giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan phục hồi, trong khi giá tại Thượng Hải giảm.
- ◆ Cà phê: Đầu tháng 5/2022, giá cà phê thế giới tiếp tục xu hướng giảm do nguồn cung từ Bra-xin dồi dào. Tổ chức Cà phê Quốc tế dự báo thị trường toàn cầu sẽ thiếu hụt 3,1 triệu bao cà phê trong niên vụ 2021/2022.
- ◆ Hạt điều: Trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu hạt điều của Đức tăng 8,7% về lượng và tăng 11,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a trong 2 tháng đầu năm 2022 giảm mạnh.
- ◆ Rau quả: Năm 2022, các nhà sản xuất sầu riêng Ma-lai-xi-a dự báo giá sầu riêng sẽ tăng mạnh do sản lượng giảm và giá phân bón tăng cao. Xuất khẩu trái cây của Thái Lan đang gặp nhiều trở ngại do vận chuyển hàng hóa sang thị trường Trung Quốc khó khăn.
- ◆ Sắn và sản phẩm từ sắn: Đầu tháng 5/2022, giá tinh bột sắn và sắn nguyên liệu của Thái Lan tăng, giá xuất khẩu sắn lát ổn định so với cuối tháng 4/2022.
- ◆ Thủy sản: Nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh. Doanh thu bán hải sản tại các cửa hàng tạp hóa ở Vương quốc Anh trong quý kết thúc vào ngày 20/3/2022 giảm 8,3% so với quý trước đó do lạm phát.
- ◆ Gỗ và sản phẩm gỗ: Năm 2022, các nhà sản xuất đồ nội thất của Nga dự báo doanh thu sẽ giảm ít nhất 50%, trong bối cảnh nhu cầu yếu, thu nhập của người tiêu dùng thấp và lạm phát cao.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- ◆ Cao su: Tháng 4/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm.
- ◆ Cà phê: Thị trường cà phê trong nước giao dịch khá trầm lắng trong những ngày đầu tháng 5/2022; giá giảm xuống mức thấp. Tháng 4/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam tăng 23,4% so với tháng 4/2021. Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê lớn thứ 3 cho Thụy Sĩ; thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Thụy Sĩ trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021.
- ◆ Hạt điều: Giá xuất khẩu hạt điều trung bình của Việt Nam tháng 4/2022 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc giảm còn 76,27% trong quý I/2022 từ mức 95,62% trong quý I/2021 .
- ◆ Rau quả: Trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt 1,17 tỷ USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần quả chuối của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản tăng.
- ◆ Sắn và sản phẩm từ sắn: Giá sắn nguyên liệu trong nước đầu tháng 5/2022 ổn định do đã vào cuối vụ thu hoạch và hoạt động xuất khẩu chậm. 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam đạt 1,19 triệu tấn, trị giá 517,17 triệu USD, tăng 0,3% về lượng và tăng 16,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Quý I/2022, thị phần tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2021.
- ◆ Thủy sản: Tháng 4/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan, trừ xuất khẩu sang thị trường Anh giảm. 3 tháng đầu năm 2022, thị phần tôm của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2021.
- ◆ Gỗ và sản phẩm gỗ: Trong 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 5,6 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc.



THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Đầu tháng 5/2022, giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan phục hồi, trong khi giá tại Thượng Hải giảm.
- ▶ Tháng 4/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Thị phần cao su của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm.



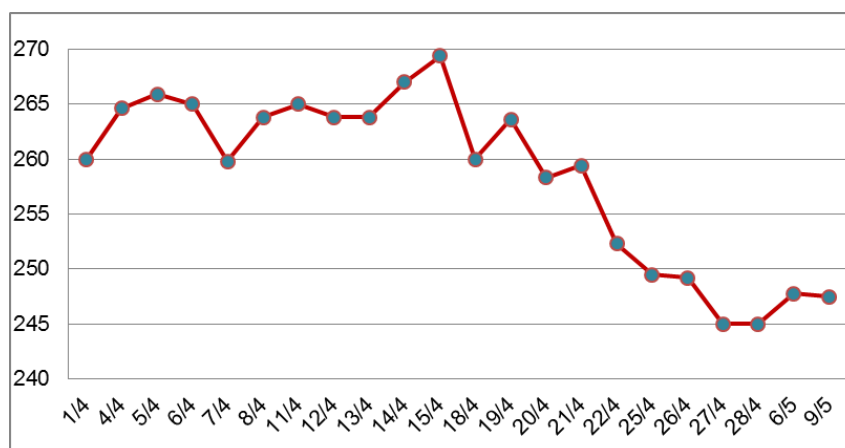
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Từ đầu tháng 5/2022 đến nay, giá cao su tại các sàn giao dịch châu Á biến động trái chiều, giá tại Nhật Bản và Thái Lan tăng, trong khi tại Thượng Hải giảm, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange

(OSE), đầu tháng 5/2022, giá cao su có xu hướng tăng nhẹ so với cuối tháng 4/2022. Ngày 09/5/2022, giá cao su RSS3 giao tháng 6/2022 ở mức 247,5 Yên/kg (tương đương 1,89 USD/kg), tăng 1% so với cuối tháng 4/2022, nhưng giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn OSE từ tháng 4/2022 đến nay
(ĐVT: Yên/kg)

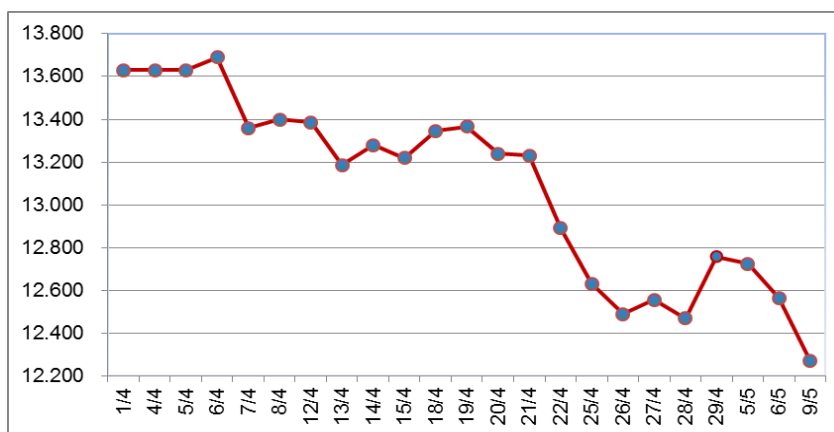


Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), sau thời gian nghỉ lễ giá cao su giảm mạnh. Ngày 09/5/2022, giá cao su RSS3 giao tháng 6/2022 ở mức 12.270 NDT/tấn (tương đương 1,82 USD/kg), giảm 3,8% so với cuối tháng 4/2022 và giảm 13,8% so với cùng kỳ năm

2021. Nguyên nhân giảm do dịch Covid-19 bùng phát mạnh, nên Trung Quốc tiến hành phong tỏa nhiều tỉnh, thành phố để ngăn chặn bệnh, khiến việc tiêu thụ lốp xe bị chậm lại, ảnh hưởng đến nhu cầu đối với cao su.

Diễn biến giá cao su tại sàn SHFE từ tháng 4/2022 đến nay
(ĐVT: NDT/tấn)

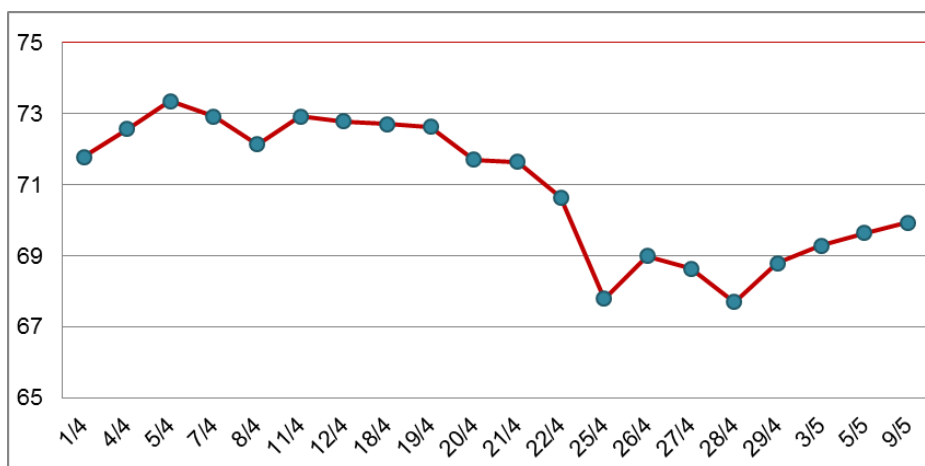


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su có xu hướng tăng trở lại do nguồn cung thắt chặt. Ngày 09/5/2022, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 69,9 Baht/kg

(tương đương 2,02 USD/kg), tăng 1,7% so với cuối tháng 4/2022, nhưng giảm 1% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ tháng 4/2022 đến nay
(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Thái Lan: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, trong quý I/2022, Thái Lan xuất khẩu được 1,36 triệu tấn cao su (mã HS: 4001; 4002; 4003; 4005), trị giá 75,38 tỷ Baht (tương đương 2,19 tỷ USD), tăng 4,6% về lượng và tăng 16,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc là 5 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Thái Lan trong quý I/2022.

Xuất khẩu cao su sang Trung Quốc chiếm 50,1% tổng lượng cao su xuất khẩu của Thái Lan

trong quý I/2022, với 684,67 nghìn tấn, trị giá 36,69 tỷ Baht (tương đương 1,06 tỷ USD), tăng 3,5% về lượng và tăng 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. (Tỷ giá 1 Baht = 0,02908 USD).

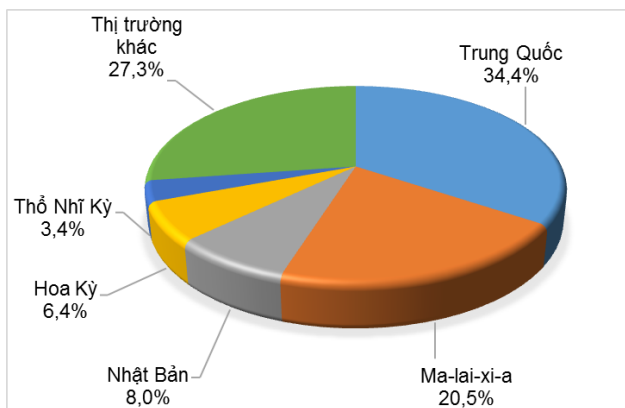
Về chủng loại xuất khẩu: Trong quý I/2022, Thái Lan xuất khẩu được 928,22 nghìn tấn cao su tự nhiên (mã HS: 4001), trị giá 50 tỷ Baht (tương đương 1,45 tỷ USD), tăng 6,7% về lượng và tăng 16,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Trong đó, xuất

khẩu sang Trung Quốc chiếm 33,8% tổng lượng cao su tự nhiên xuất khẩu của Thái Lan trong quý I/2022 với 313,34 nghìn tấn, trị giá 16,52 tỷ Baht (tương đương 480,44 triệu USD), tăng 4,8% về lượng và tăng 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

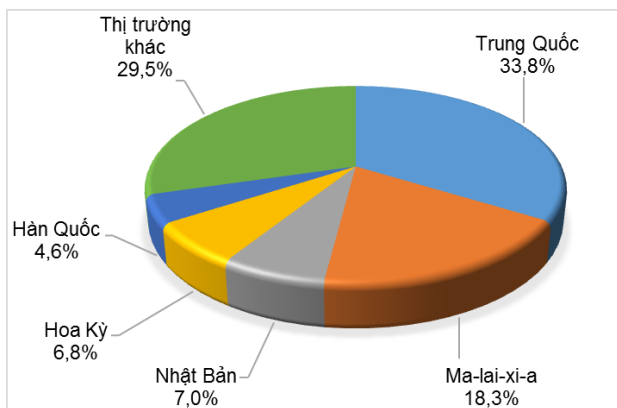
Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su tự nhiên của Thái Lan trong quý I/2022 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường lớn là Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản giảm; trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Hoa Kỳ lại tăng.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su tự nhiên của Thái Lan (Tỷ trọng tính theo lượng)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan

Trong quý I/2022, Thái Lan cũng xuất khẩu được 390,9 nghìn tấn cao su tổng hợp (mã HS: 4002), trị giá 22,23 tỷ Baht (tương đương 646,67 triệu USD), tăng 0,1% về lượng và tăng 15,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Ấn Độ. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 89,1% tổng lượng cao su tổng hợp xuất khẩu của Thái Lan trong

quý I/2022, với 348,35 nghìn tấn, trị giá 19,57 tỷ Baht (tương đương 569,17 triệu USD), tăng 2,8% về lượng và tăng 23,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su tổng hợp của Thái Lan trong quý I/2022 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ tăng; trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam giảm.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đầu tháng 5/2022, tại Bình Phước, giá mủ cao su nguyên liệu được Công ty cao su Phú Riềng thu mua ở mức từ 310-350 đồng/độ mủ, giảm 10 đồng/độ mủ so với cuối tháng 4/2022; Tại Bình Dương, giá thu mua mủ cao su nguyên

liệu của Công ty cao su Phước Hòa được giữ ở mức 345 đồng/độ TSC; Giá mủ cao su tại Gia Lai được Công ty cao su Mang Yang thu mua với giá 310-320 đồng/độ TSC, ổn định so với cuối tháng 4/2022.

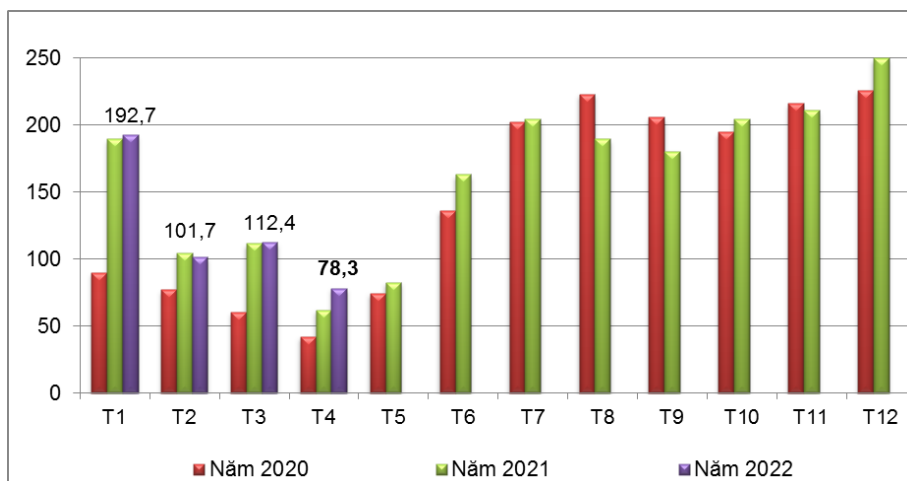


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 4/2022, Việt Nam xuất khẩu được 78,33 nghìn tấn cao su, trị giá 141,43 triệu USD, giảm 30,3% về lượng và giảm 30,2% về trị giá so với tháng 3/2022; tuy nhiên so với tháng

4/2021 tăng 26,3% về lượng và tăng 28,3% về trị giá. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cao su đạt 485,22 nghìn tấn, trị giá 856,98 triệu USD, tăng 3,7% về lượng và tăng 9,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

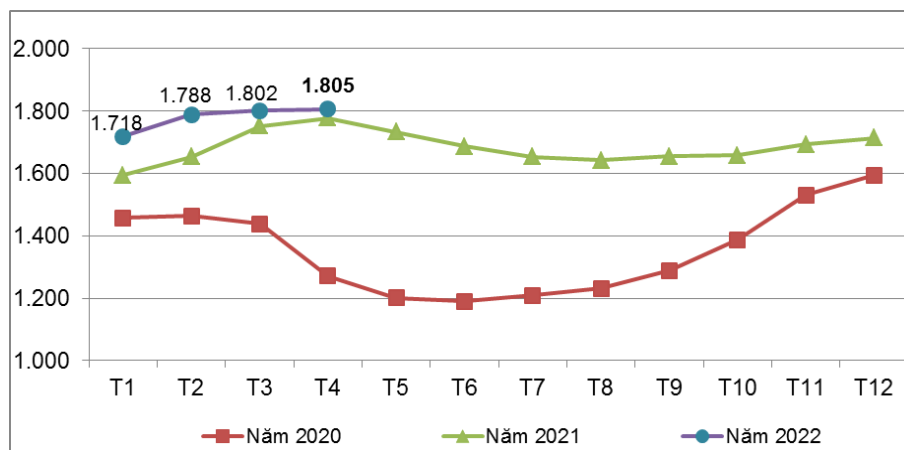
Lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam năm 2020 - 2022
(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về giá xuất khẩu: Tháng 4/2022, giá cao su xuất khẩu bình quân đạt 1.805 USD/tấn, tăng 0,2% so với tháng 3/2022 và tăng 1,5% so với tháng 4/2021.

Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam qua các tháng năm 2020 - 2022
(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tháng 4/2022, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 58,3% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với 45,66 nghìn tấn, trị giá 78,97 triệu USD, giảm 34,6% về lượng và giảm 35,4% về trị giá so với tháng 3/2022; so với tháng 4/2021 tăng 37,4% về lượng và tăng 42,6% về trị giá. Giá cao su xuất khẩu bình quân sang Trung Quốc ở mức 1.729 USD/tấn, giảm 1,2% so với tháng 3/2022, nhưng tăng 3,8% so với tháng 4/2021. Lũy kế 4

tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 325,89 nghìn tấn cao su, trị giá 562,17 triệu USD, tăng 0,9% về lượng và tăng 8,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong tháng 4/2022, xuất khẩu cao su sang một số thị trường chủ chốt tiếp tục tăng trưởng tốt cả về lượng và trị giá so với tháng 4/2021, trong đó đáng chú ý như: Ấn Độ, Nga, Hoa Kỳ, Pa-ki-xtan, Tây Ban Nha, Anh...

10 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4/2022

Thị trường	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng đầu năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	78.337	141.431	26,3	28,3	485.221	856.985	3,7	9,3
Trung Quốc	45.666	78.978	37,4	42,6	325.896	562.178	0,9	8,5
Ấn Độ	7.922	14.801	100,9	99,4	36.688	67.347	50,4	51,5
Hàn Quốc	3.086	5.794	12,9	8,4	11.812	22.256	-6,6	-8,1
Đài Loan	3.014	5.702	6,2	7,5	8.133	15.059	-13,2	-11,8
Thổ Nhĩ Kỳ	2.168	4.126	-23,7	-25,6	11.116	20.818	15,6	13,5
Nga	1.926	3.505	141,7	120,9	5.887	10.750	90,1	76
Hoa Kỳ	1.748	2.967	51,2	36,8	12.106	21.071	-2,6	-4
Đức	1.210	2.350	-25,8	-27	8.225	15.067	-13,4	-16,3
In-đô-nê-xi-a	1.012	2.009	-1,4	-2	6.819	13.026	26,1	27,3
Xri-Lan-ca	877	1.737	45	28,7	5.561	10.508	6,9	1,8
Thị trường khác	9.708	19.463	-13,4	-6,9	52.978	98.905	-0,3	3,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý I/2022, kim ngạch nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 3,58 tỷ USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2021. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản và Hàn Quốc là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc.

Trong quý I/2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 621,77 triệu USD, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc trong quý I/2022 chiếm 17,3%, giảm so với mức 19,2% của cùng kỳ năm 2021.

10 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Trung Quốc trong tháng 3/2022 và quý I/2022

Thị trường	Tháng 3/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2022 (%)	So với tháng 3/2021 (%)	Quý I/2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
						Quý I/2021	Quý I/2022
Tổng	1.295.627	30,0	0,8	3.586.577	13,6	100	100
Thái Lan	459.191	33,4	1,3	1.260.261	26	31,7	35,1
Việt Nam	159.706	-19,4	-7,5	621.771	2,5	19,2	17,3
Ma-lai-xi-a	122.446	39,1	-21,7	316.587	-7,9	10,9	8,8
Nhật Bản	78.485	14,5	0,3	210.334	16,3	5,7	5,9
Hàn Quốc	69.454	41,9	-26,8	182.127	-18,2	7,1	5,1
Bờ Biển Ngà	59.823	183,1	55,3	140.700	69,8	2,6	3,9
Lào	51.729	73,2	1.103	108.455	1.074	0,3	3
Mi-an-ma	47.558	39,4	29,2	122.960	43,9	2,7	3,4
In-đô-nê-xi-a	37.820	30,2	-24,4	115.371	-4,9	3,8	3,2
Nga	31.271	32,7	6,2	74.748	-3,3	2,5	2,1
Thị trường khác	178.144	61,1	4,1	433.263	1,8	13,5	12,1

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Về chủng loại nhập khẩu

Trong quý I/2022, kim ngạch nhập khẩu cao su

tự nhiên (mã HS: 4001) của Trung Quốc đạt 1,14 tỷ USD, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu

nhập khẩu từ các thị trường như: Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Ma-lai-xi-a, Lào, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam.

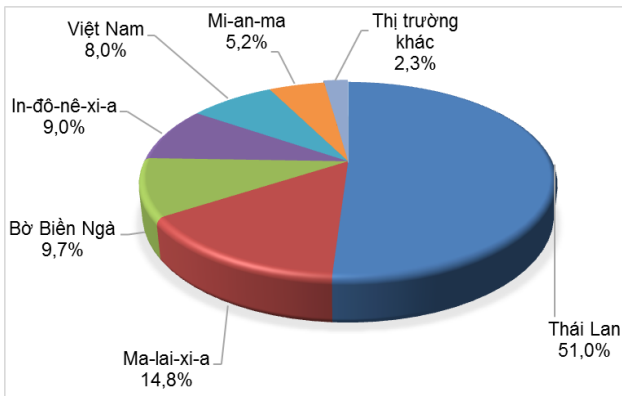
Trong quý I/2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 6 cho Trung Quốc với 59,87 triệu USD, giảm 12,4% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam chiếm 5,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc, giảm so với mức 8% của

cùng kỳ năm 2021.

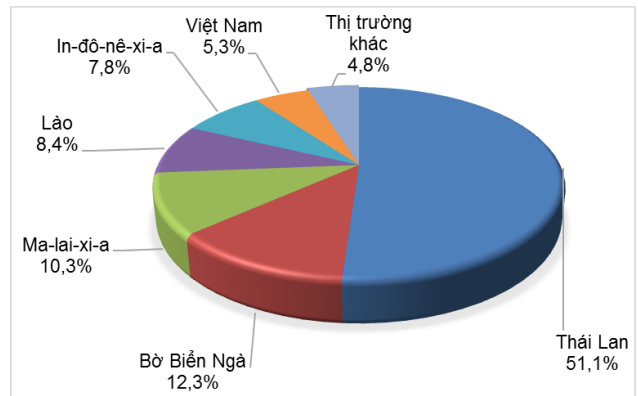
Trong khi đó, Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu cao su tự nhiên từ các thị trường như Thái Lan, Bờ Biển Ngà, In-đô-nê-xi-a, Lào... Trong đó, kim ngạch nhập khẩu cao su tự nhiên từ Lào tăng mạnh nhất, tăng tới 12.838% so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Trung Quốc
(% tính theo trị giá)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong quý I/2022, kim ngạch nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS: 400280) của Trung Quốc đạt 1,49 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2021. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma và Lào là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp cho Trung Quốc.

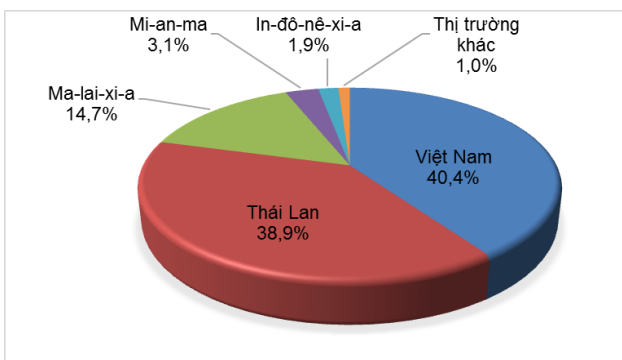
cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Việt Nam chiếm 37,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Trung Quốc, giảm so với mức 40,4% của cùng kỳ năm 2021.

Trong quý I/2022, Việt Nam là thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp lớn thứ hai cho Trung Quốc với 557,47 triệu USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hỗn hợp

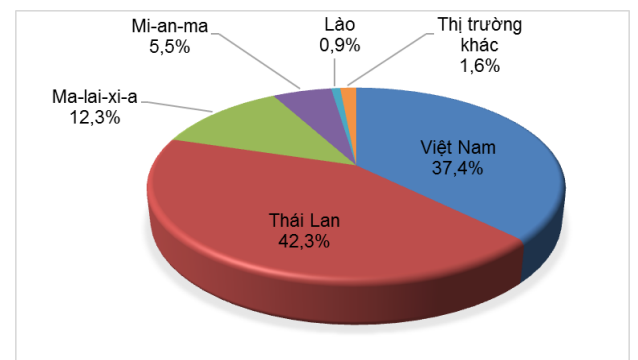
Trong khi đó, Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp từ các thị trường như: Thái Lan, Mi-an-ma, Lào, Căm-pu-chia, Phi-líp-pin; trong khi giảm nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a...

Cơ cấu thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp cho Trung Quốc
(% tính theo trị giá)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Đầu tháng 5/2022, giá cà phê thế giới tiếp tục xu hướng giảm do nguồn cung từ Bra-xin dồi dào.
- ▶ Tổ chức Cà phê Quốc tế dự báo thị trường toàn cầu sẽ thiếu hụt 3,1 triệu bao cà phê trong niên vụ 2021/2022.
- ▶ Thị trường cà phê trong nước giao dịch khá trầm lắng trong những ngày đầu tháng 5/2022; giá giảm xuống mức thấp.
- ▶ Tháng 4/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam tăng 23,4% so với tháng 4/2021.
- ▶ Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê lớn thứ 3 cho Thụy Sĩ; thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Thụy Sĩ trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Đầu tháng 5/2022, giá cà phê thế giới tiếp tục xu hướng giảm. Áp lực từ vụ mùa mới của Bra-xin và đồng real suy yếu trở lại đã khuyến khích người trồng Bra-xin đẩy mạnh bán ra. Căng thẳng địa chính trị kéo dài, lạm phát ở mức cao, kinh tế suy thoái cùng với chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc khiến chuỗi cung ứng toàn cầu trì trệ, khiến các nhà đầu tư lo ngại rủi ro tăng cao.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 9/5/2022, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 7/2022, tháng 9/2022 và tháng 11/2022 giảm lần lượt 0,3%, 0,7% và 1,1% so với ngày 29/4/2022, xuống còn 2.083 USD/tấn, 2.079 USD/tấn và 2.072 USD/tấn.



Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)

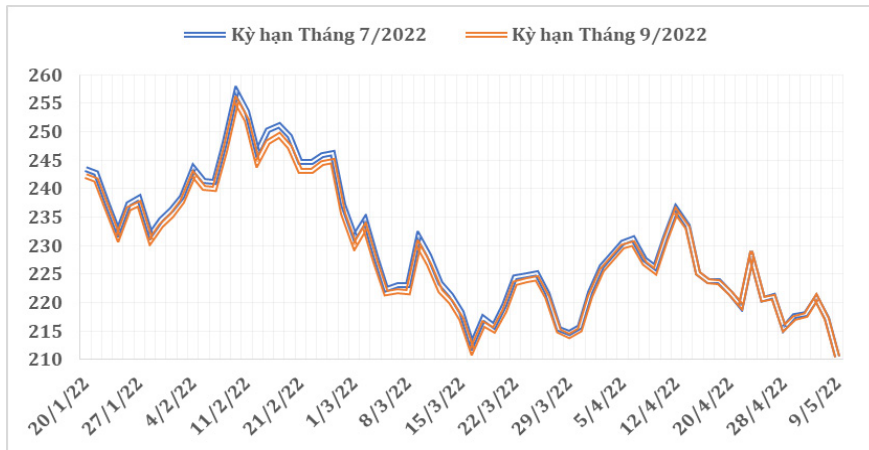


Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 9/5/2022 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 7/2022, tháng 9/2022 và tháng 12/2022 giảm lần lượt 3,3%, 3,2% và 3,0% so với ngày 29/4/2022,

xuống còn 210,45 Uscent/lb (kỳ hạn tháng 7 và tháng 9/2022) và 210,1 Uscent/lb (kỳ hạn tháng 12/2022).

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 9/5/2022 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 7/2022, tháng 9/2022 và tháng 12/2022 giảm lần lượt 0,2%, 2,8% và 3,2% so với ngày 29/4/2022, xuống còn 269,4 Uscent/lb, 262,7 Uscent/lb và 260,55 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 2.138 USD/tấn, chênh lệch +55 USD/tấn, giảm 6 USD/tấn (tương đương mức giảm 0,3%) so với ngày 29/4/2022.

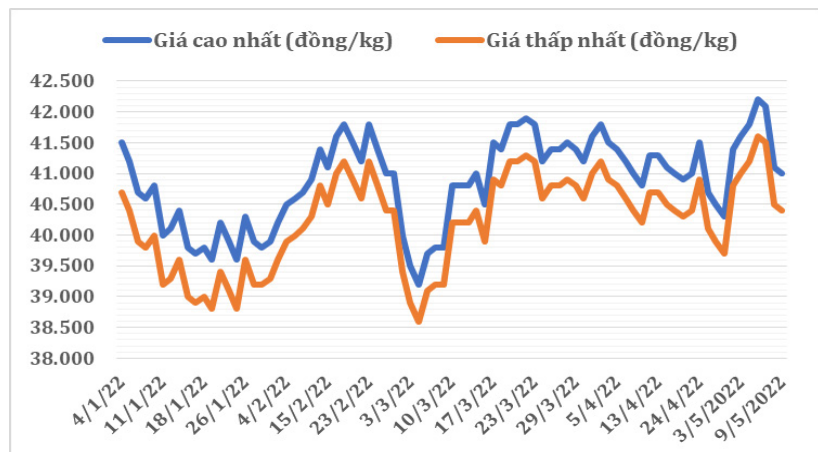
Theo Liên đoàn Cà phê Quốc gia (FNC) ở Cô-lôm-bi-a, xuất khẩu cà phê trong tháng 4/2022 của nước này đạt 845.000 bao, giảm 190.000 bao (giảm 18,36%) so với tháng 4/2021. Lũy kế 7 tháng đầu niên vụ cà phê 2021/2022, xuất khẩu cà phê của Cô-lôm-bi-a đạt 7.314.000 bao, giảm 832.000 bao (giảm 10,21%) so với cùng kỳ niên vụ 2020/2021.

Dự báo giá cà phê thế giới sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, tốc độ giảm giá cà phê sẽ chậm lại sau khi Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) đưa ra Báo cáo Thị trường tháng 3/2022. Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 3/2022 tăng 4,03% so với tháng 3/2021. Lũy kế 12 tháng (từ tháng 4/2021 đến tháng 3/2022), xuất khẩu cà phê Arabica đạt 80,90 triệu bao, giảm 2,14% và xuất khẩu Robusta đạt 48,90 triệu bao, tăng 2,14% so với 12 tháng trước đó. ICO đã giữ dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ cà phê 2021/2022 ở mức 167,20 triệu bao, thấp hơn 2,10% so với niên vụ 2020/2021 và giữ nguyên dự báo tiêu thụ cà phê toàn cầu trong niên vụ này ở mức 170,30 triệu bao, tăng 3,3% so với niên vụ 2020/2021. Theo đó, thị trường toàn cầu sẽ thiếu hụt 3,1 triệu bao cà phê trong niên vụ 2021/2022. Điều này sẽ không còn là mối lo khi Bra-xin đã bước vào thu hoạch cà phê của niên vụ mới 2022/2023 với sản lượng tăng theo chu kỳ "hai năm một".

TRONG NƯỚC: GIÁ GIẢM 400 ĐỒNG/KG

Thị trường cà phê trong nước giao dịch khá trầm lắng. Giá giảm xuống mức thấp, trong khi giá vật tư phân bón tăng cao. Ngày 9/5/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa giảm 400 đồng/kg so với ngày 29/4/2022, xuống còn 41.000 đồng/kg tại tỉnh Đắk Lắk; 40.400 đồng/kg tại tỉnh Lâm Đồng; 40.900 đồng/kg tại các tỉnh Gia Lai và Đắk Nông.

Diễn biến giá cà phê Robusta trong nước từ đầu năm 2022 đến nay



Nguồn: Tintaynguyen.com

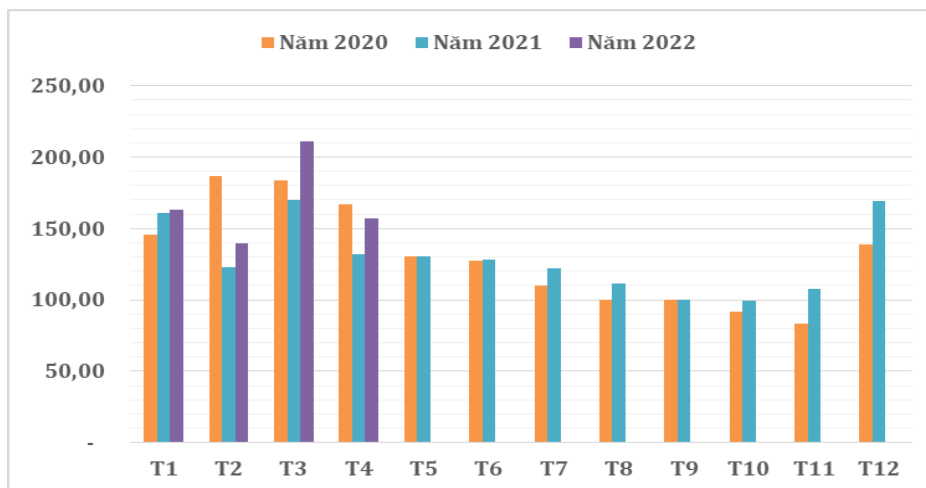
THÁNG 4/2022, GIÁ XUẤT KHẨU BÌNH QUÂN CÀ PHÊ TĂNG

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, Việt Nam xuất khẩu cà phê đạt 157,45 nghìn tấn, trị giá 362,31 triệu USD, giảm 25,4% về lượng và giảm 23,6% về trị giá so với tháng 3/2022, so với tháng 4/2021 tăng 19,2% về

lượng và tăng 47% về trị giá. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 739 nghìn tấn, trị giá 1,66 tỷ USD, tăng 26,2% về lượng và tăng 57,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Lượng cà phê xuất khẩu qua các tháng giai đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

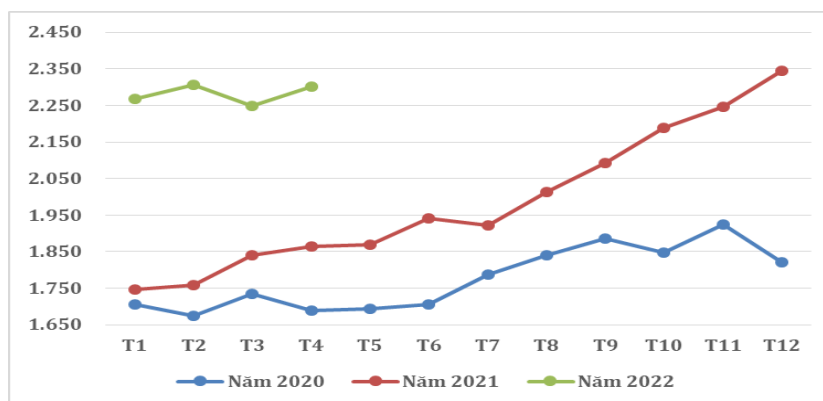
Diễn biến giá

Tháng 4/2022, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt mức 2.301 USD/tấn, tăng 2,3% so với tháng 3/2022 và tăng 23,4% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, giá

xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt mức 2.245 USD/tấn, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá xuất khẩu bình quân cà phê qua các tháng giai đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường

Tháng 4/2022 so với tháng 4/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chính tăng, ngoại trừ Phi-líp-pin giảm mạnh. Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê sang Bỉ tăng tới 144,4% về lượng và tăng 218,3% về trị giá.

4 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường tăng, ngoại trừ Phi-líp-pin. Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê sang các thị trường Bỉ, Anh, Hà Lan tăng trưởng tới 3 con số.

**10 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam tháng 4/2022
và 4 tháng đầu năm 2022**

Thị trường	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	157.451	362.309	19,2	47,0	739.046	1.659.077	26,3	57,2
Đức	22.139	45.829	10,6	33,9	95.521	209.007	12,8	41,3
Bỉ	11.921	26.474	144,4	218,3	77.790	161.804	359,7	473,5
Ý	13.590	30.317	25,7	67,0	56.201	123.695	17,4	54,0
Nhật Bản	10.541	25.906	39,8	61,8	45.139	110.127	13,4	45,4
Hoa Kỳ	13.955	34.994	29,9	63,1	41.242	102.892	0,9	29,4
Tây Ban Nha	8.726	19.357	40,1	73,3	35.854	81.194	51,0	82,3
Nga	8.299	18.460	5,9	21,0	26.389	61.279	0,03	19,6
Anh	2.137	4.564	51,7	85,7	24.852	50.308	145,8	196,7
Phi-líp-pin	3.830	11.888	-43,4	-23,8	19.037	57.853	-4,0	19,0
Hà Lan	1.132	2.547	12,5	40,4	16.180	34.807	317,7	388,4
Thị trường khác	61.181	141.973	11,5	39,3	300.841	666.112	11,0	40,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA THỤY SĨ 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

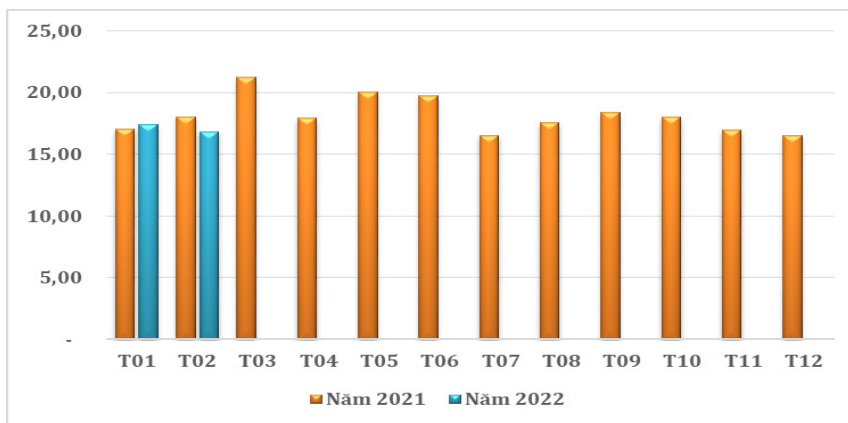
Theo số liệu của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), nhu cầu tiêu thụ cà phê bình quân của Thụy Sĩ khoảng 9 kg/người/năm, cao hơn mức trung bình 3,3 kg/người/năm của Anh và gấp đôi mức tiêu thụ 4,5 kg/người/năm ở Hoa Kỳ. Do đó, Thụy Sĩ được coi là thị trường xuất khẩu cà phê

tiềm năng lớn đối với các nước sản xuất.

Theo ITC, 2 tháng đầu năm 2022, Thụy Sĩ nhập khẩu cà phê đạt 34,28 nghìn tấn, trị giá 175,51 triệu USD, giảm 2,4% về lượng, nhưng tăng 14,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Lượng cà phê nhập khẩu vào Thụy Sĩ qua các tháng năm 2021 – 2022

(ĐVT: nghìn tấn)



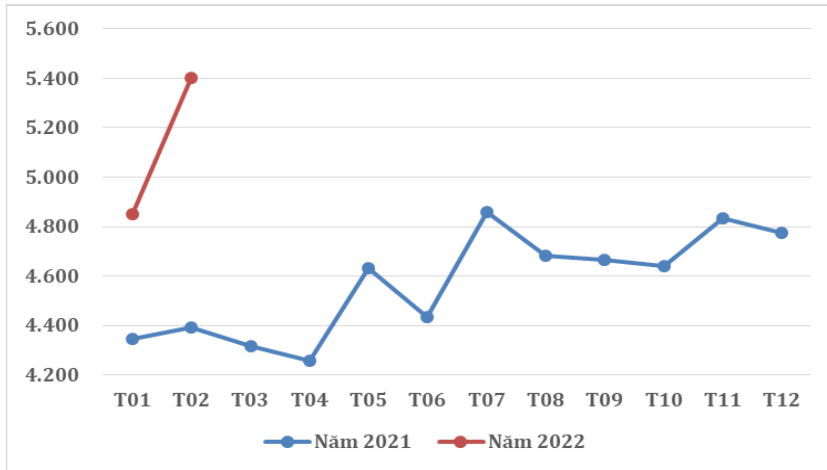
Nguồn: ITC

(* Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ cà phê; sản phẩm thay thế

2 tháng đầu năm 2022, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Thụy Sĩ đạt mức 5.120 USD/tấn, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Thụy Sĩ

từ hầu hết các nguồn cung lớn tăng; Mức tăng cao nhất là 34,9% từ Bra-xin; Mức tăng thấp nhất 11,6% từ Cốt-xta Ri-ca.

Diễn biến giá nhập khẩu bình quân cà phê của Thụy Sĩ qua các tháng năm 2021 – 2022 (USD/tấn)



Nguồn: ITC

2 tháng đầu năm 2022, Thụy Sĩ giảm nhập khẩu cà phê từ các nguồn cung lớn Cô-lôm-bi-a, Ấn Độ, Cốt-xta Ri-ca, nhưng tăng từ Bra-xin, Việt Nam. Số liệu thống kê từ ITC cho thấy, 2 tháng đầu năm 2022, Thụy Sĩ nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 2,9 nghìn tấn, trị giá 6,02 triệu

USD, tăng 11,1% về lượng và tăng 34,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Thụy Sĩ tăng từ 7,46% trong 2 tháng đầu năm 2021 lên 8,48% trong 2 tháng đầu năm 2022.

5 thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho Thụy Sĩ trong 2 tháng đầu năm 2022

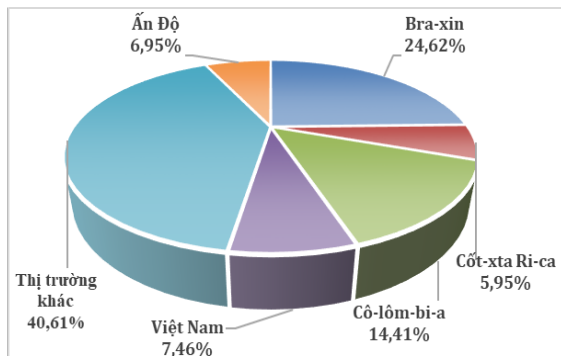
Thị trường	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	34.278	175.516	5.120	-2,4	14,4	17,1
Bra-xin	9.139	35.939	3.932	5,7	42,7	34,9
Cô-lôm-bi-a	4.809	27.904	5.802	-5,0	24,3	30,8
Việt Nam	2.908	6.020	2.070	11,1	34,1	20,7
Ấn Độ	2.214	8.248	3.725	-9,3	7,4	18,4
Cốt-xta Ri-ca	2.015	13.004	6.454	-3,5	7,7	11,6
Thị trường khác	13.192	84.401	6.398	-7,5	3,5	11,8

Nguồn: ITC

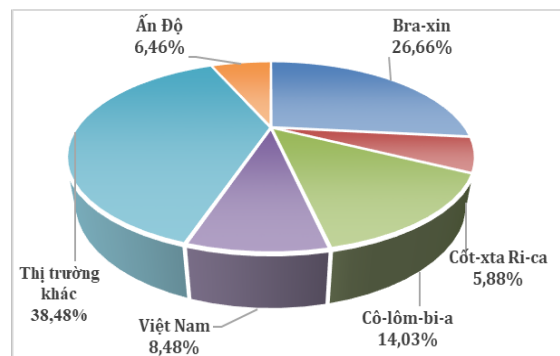
Cơ cấu thị trường cung cấp cà phê cho Thụy Sĩ

(% tính theo lượng)

2 tháng năm 2021



2 tháng năm 2022



Nguồn: ITC

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ Trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu hạt điều của Đức tăng 8,7% về lượng và tăng 11,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a trong 2 tháng đầu năm 2022 giảm mạnh.
- ▶ Cuối tháng 4/2022, giá xuất khẩu hạt điều thô tại khu vực châu Phi ở mức 1.275 USD/tấn.
- ▶ Giá xuất khẩu hạt điều trung bình của Việt Nam tháng 4/2022 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 95,62% trong quý I/2021 xuống 76,27% trong quý I/2022.



THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

Theo ITC, 2 tháng đầu năm 2022, Đức nhập khẩu hạt điều đạt 8,74 nghìn tấn, trị giá 64,5 triệu USD, tăng 8,7% về lượng và tăng 11,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Đức nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt 6,2 nghìn tấn, trị giá 45,12 triệu USD, tăng 26,7% về lượng và tăng 32,9% về trị giá. Thị phần hạt điều của

Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức tăng từ 60,77% trong 2 tháng đầu năm 2021 lên 70,83% trong 2 tháng đầu năm 2022. Đáng chú ý, Đức tăng mạnh nhập khẩu hạt điều từ các nước Hon-đu-rát, Bờ Biển Ngà, In-đô-nê-xi-a, tuy nhiên lượng nhập khẩu vẫn ở mức thấp.

5 thị trường cung cấp hạt điều lớn nhất cho Đức trong 2 tháng đầu năm 2022

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)		Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	2 tháng năm 2022	2 tháng năm 2021
Tổng	8.745	64.497	8,7	11,2	100,00	100,00
Việt Nam	6.194	45.118	26,7	32,9	70,83	60,77
Hon-đu-rát	583	3.892	4.064,3	2.394,9	6,67	0,17
Bờ Biển Ngà	533	3.996	257,7	256,8	6,09	1,85
In-đô-nê-xi-a	403	3.339	166,9	226,1	4,61	1,88
Ấn Độ	270	2.533	-86,5	-84,1	3,09	24,95
Thị trường khác	762	5.619	-8,7	-4,4	8,71	10,38

Nguồn: ITC

(* Ghi chú HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

- Theo ITC, 2 tháng đầu năm 2022, In-đô-nê-xi-a xuất khẩu hạt điều đạt xấp xỉ 1,28 nghìn tấn, trị giá 4,78 triệu USD, giảm 91,5% về lượng và giảm 79,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a sang các

thị trường chủ lực giảm, gồm: Việt Nam, Hà Lan, Hàn Quốc. Ngược lại, In-đô-nê-xi-a tăng mạnh xuất khẩu hạt điều sang các thị trường Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của In-đô-nê-xi-a trong 2 tháng đầu năm 2022

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022		So với 2 tháng năm 2021 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	2 tháng năm 2022	2 tháng năm 2021
Tổng	1.278	4.779	-91,5	-79,2	100,00	100,00
Việt Nam	723	1.049	-92,5	-90,2	56,56	63,61
Hà Lan	169	1.352	-16,7	-10,8	13,23	1,34
Thái Lan	84	653	150,0	156,1	6,61	0,22
Hàn Quốc	74	506	-32,6	-27,2	5,82	0,73
Ma-lai-xi-a	68	527	24,3	32,7	5,32	0,36
Thị trường khác	159	692	-96,9	-92,7	12,46	33,72

Nguồn: ITC

(*) Ghi chú HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

- Tại châu Phi: Ngày 28/4/2022, giá xuất khẩu hạt điều thô tại Bờ Biển Ngà, Ni-giê-ri-a ổn định ở mức 1.275 USD/tấn. Giá xuất khẩu hạt điều thô

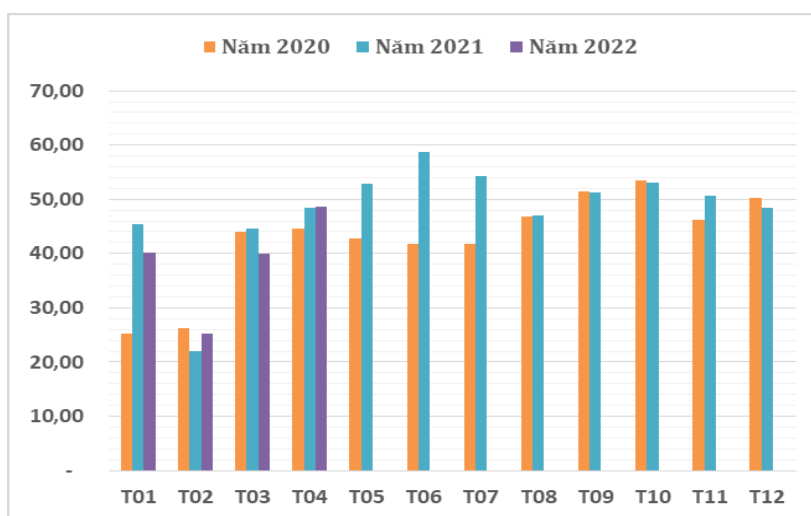
của Ga-na cũng ở mức 1.275 USD/tấn, giảm 50 USD/tấn so với ngày 25/3/2022.

THÁNG 4/2022, XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU TĂNG SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2022

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 48,68 nghìn tấn, trị giá 290,23 triệu USD, tăng 21,8% về lượng và tăng 21,4% về trị giá so với tháng 3/2022, so với tháng 4/2021 tăng 0,4% về

lượng và tăng 1,2% về trị giá. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 153,35 nghìn tấn, trị giá 913,5 triệu USD, giảm 5,2% về lượng và giảm 4,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Lượng hạt điều xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2020 – 2022 (ĐVT: nghìn tấn)



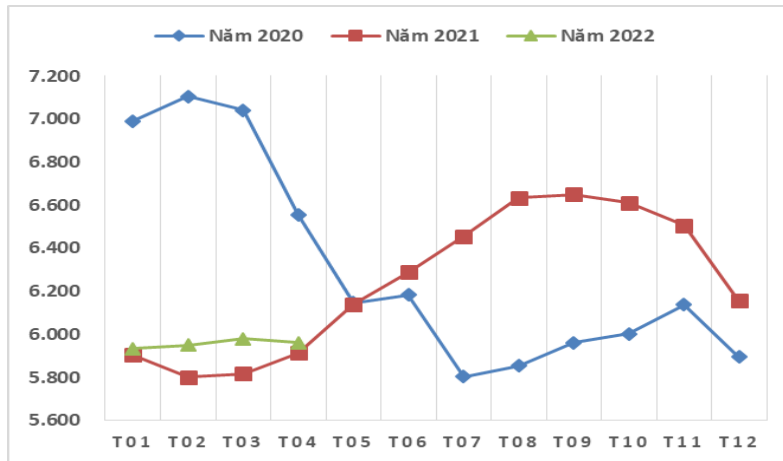
Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Diễn biến giá xuất khẩu bình quân

Tháng 4/2022, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.962 USD/tấn, giảm 0,3% so với tháng 3/2022, nhưng tăng 0,8% so

với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.957 USD/tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2020 – 2022 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan
tăng trưởng 3 con số.

Thị trường xuất khẩu

Tháng 4/2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang nhiều thị trường giảm so với tháng 4/2021, gồm: Hà Lan, Trung Quốc, Đức, Anh, Ý. Ngược lại, xuất khẩu hạt điều sang Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất và Ả rập Xê út

4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang một số thị trường chính giảm, gồm: Hà Lan, Trung Quốc, Ca-na-đa. Ngược lại, xuất khẩu hạt điều sang các thị trường Hoa Kỳ, Đức, Úc, Anh, Ý, Ả rập Xê út tăng trưởng khả quan.

10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	48.680	290.230	0,4	1,2	153.355	913.501	-4,9	-3,7
Hoa Kỳ	15.392	86.857	4,2	6,4	50.334	285.909	10,0	13,7
Hà Lan	4.692	22.310	-27,3	-28,3	16.345	78.350	-18,2	-15,9
Trung Quốc	6.143	39.852	-3,9	-13,4	11.728	76.449	-46,1	-51,6
Đức	1.356	8.500	-13,1	-9,2	5.903	37.178	6,4	12,9
Úc	1.259	7.597	45,4	42,1	4.997	30.638	34,3	35,9
Anh	1.489	8.382	-13,1	-8,1	4.535	25.339	7,4	16,4
Ca-na-đa	1.154	5.626	-22,2	-40,8	4.014	22.114	-27,3	-40,8
Các TVQ Ả rập Thống nhất	1.434	9.123	198,1	209,7	3.415	21.328	21,4	31,3
Ý	655	3.132	-17,8	-19,9	3.354	20.954	46,7	110,1
Ả Rập Xê út	1.064	7.011	128,3	104,8	3.211	20.969	26,0	22,6
Thị trường khác	14.042	91.838	3,8	8,6	45.519	294.272	-3,5	2,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



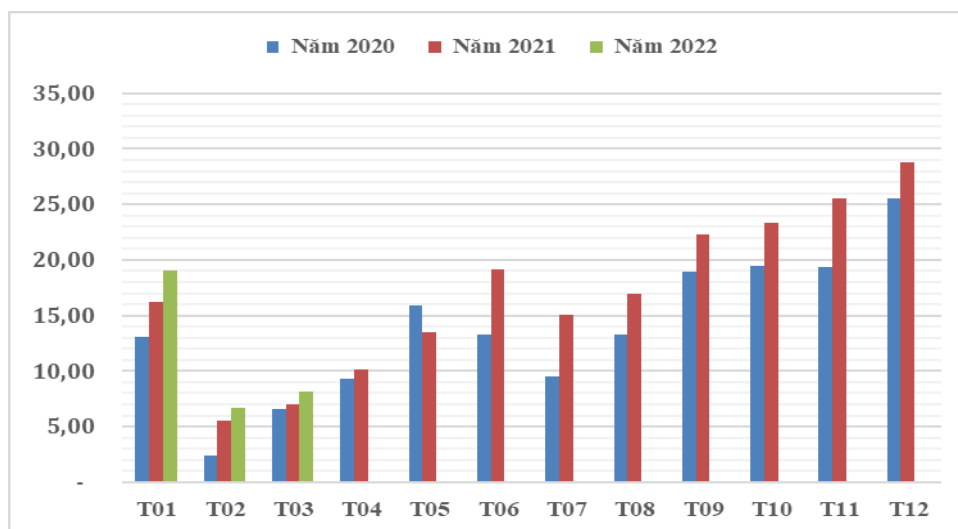
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA TRUNG QUỐC TRONG QUÝ I NĂM 2022 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 3/2022, nước này nhập khẩu hạt điều với tổng kim ngạch 8,2 triệu USD, tăng 23% so với tháng 2/2022 và tăng 16,9%

so với tháng 3/2021. Tính chung quý I/2022, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều đạt 33,9 triệu USD, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch nhập khẩu hạt điều vào Trung Quốc qua các tháng đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

(* Ghi chú: HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

Quý I/2022, Trung Quốc giảm nhập khẩu hạt điều từ hầu hết các nguồn cung cấp chủ yếu, ngoại trừ Mi-an-ma và Bờ Biển Ngà. Số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc cho thấy, nhập khẩu hạt điều của nước này từ Việt Nam đạt 25,85 triệu USD, giảm 6% so với quý I/2021. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng kim ngạch

nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 95,62% trong quý I/2021 xuống 76,27% trong quý I/2022.

Trong khi đó, thị phần hạt điều của Mi-an-ma và Bờ Biển Ngà trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc đã tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021, chiếm lần lượt 18,51% và 4,97% trong quý I/2022.

5 thị trường cung cấp hạt điều lớn nhất cho Trung Quốc trong quý I/2022

Thị trường	Quý I/2022 (nghìn USD)	So với quý I/2021 (%)	Thị phần tính theo trị giá (%)	
			Quý I/2022	Quý I/2021
Tổng	33.902	17,8	100,00	100,00
Việt Nam	25.856	-6,0	76,27	95,62
Mi-an-ma	6.274		18,51	0,00
Bờ Biển Ngà	1.683	1.786,4	4,97	0,31
Ni-giê-ri-a	45	-54,3	0,13	0,34
Căm-pu-chia	29	-65,4	0,09	0,30
Thị trường khác	15	-98,5	0,05	3,44

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Năm 2022, các nhà sản xuất sầu riêng Ma-lai-xi-a dự báo giá sầu riêng sẽ tăng mạnh do sản lượng sầu riêng nước này giảm và giá phân bón tăng cao.
- ▶ Xuất khẩu trái cây của Thái Lan hiện đang gặp nhiều trở ngại do vận chuyển hàng hóa sang thị trường Trung Quốc khó khăn.
- ▶ Thị phần quả chuối của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản tăng.
- ▶ Trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt 1,17 tỷ USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2021.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Ma-lai-xi-a: Dẫn nguồn freshplaza.com, các nhà sản xuất sầu riêng của Ma-lai-xi-a dự báo giá sầu riêng nước này sẽ tăng 30% trong năm 2022 do sản lượng thấp và chi phí phân bón tăng. Thời tiết mưa từ cuối tháng 3 đến tháng 4 tại nhiều vùng khác nhau trên cả nước khiến sản lượng sầu riêng giảm mạnh hơn 50% so với năm 2021.

Thái Lan: Dẫn nguồn producereport.com, theo Hiệp hội các nhà kinh doanh và xuất khẩu trái cây tươi Thái Lan, xuất khẩu trái cây của Thái Lan đang gặp nhiều trở ngại do những khó khăn liên quan đến vận chuyển hàng hóa sang Trung Quốc. Cuối tháng 4 đến tháng 5 thường là thời kỳ cao điểm cho sản xuất và xuất khẩu trái cây Thái Lan, đặc biệt là sầu riêng và măng cụt. Tuy nhiên, do lực lượng chức năng của Trung Quốc tại các cửa khẩu kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu để phòng chống dịch, tiến độ thông quan bị chậm trễ. Gần đây, mỗi ngày chỉ có 20–30 container trái cây Thái Lan được thông quan qua hải quan Trung Quốc, trái ngược với mức trung bình 400–500 container trước đây. Tình trạng này dự kiến sẽ tiếp tục ít nhất là đến tháng 6/2022.

Để giảm chi phí, 90% trái cây xuất khẩu của Thái Lan được vận chuyển qua đường bộ, chỉ 7-8% gửi bằng đường biển và 1–2% bằng đường hàng không. Những khó khăn hiện nay đối với việc xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc được dự báo sẽ khiến giá giảm từ tháng 5/2022. Trong đó, giá sầu riêng xuất khẩu dự kiến sẽ giảm từ 120 baht/kg (tương đương 3,49 USD/kg) xuống còn 100 baht (tương đương 2,91 USD)/kg.



Hiện tại, vấn đề cấp bách nhất đối với ngành trái cây của Thái Lan là tình trạng nhiều xe tải bị mắc kẹt tại các cửa khẩu biên giới, ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu trái cây trong năm 2022. Doanh thu xuất khẩu trái cây của Thái Lan dự kiến sẽ giảm tới 50%, từ mức 200 tỷ baht (tương đương 5,8 tỷ USD) vào năm 2021.

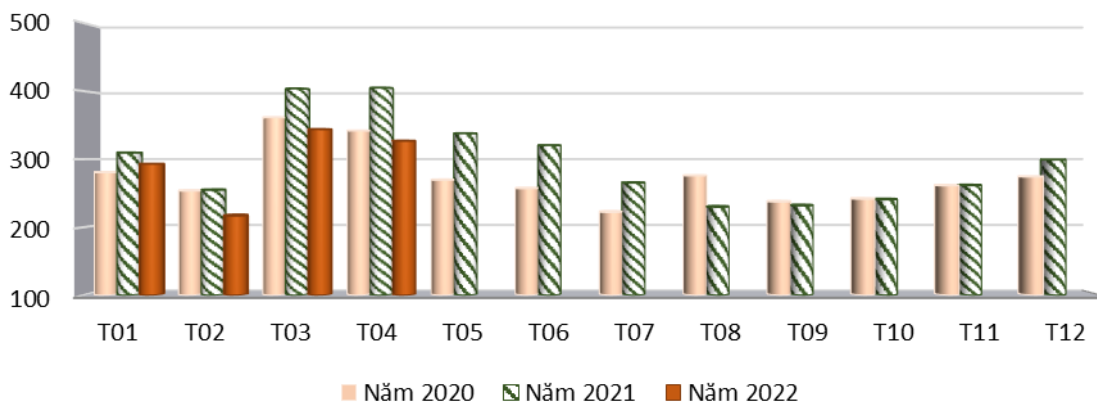
Theo thống kê trước đó của Bộ Thương mại Thái Lan, tổng sản lượng trái cây ước tính đạt 5,42 triệu tấn trong năm 2022, tăng 13% so với năm 2021. Trong đó, sầu riêng và măng cụt dự kiến đạt tương ứng 1,48 triệu tấn và 390 nghìn tấn, tăng 22% và 43% so với năm 2021. Ngoài ra, sản lượng của nhiều loại trái cây khác như nhãn, chôm chôm, vải và xoài cũng sẽ tăng.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 4/2022 đạt 327 triệu USD, giảm 19,1% so với tháng

4/2021. Trong 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt 1,17 tỷ USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2020 - 2022 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng rau quả giảm liên tiếp trong 4 tháng đầu năm 2022, trong đó trị giá xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt 625,8 triệu USD, giảm 27,7%, chiếm 53,3% tổng trị giá xuất khẩu hàng rau quả, giảm 9,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chủ lực đối với hàng rau quả của Việt Nam trong nhiều năm qua, tuy nhiên các doanh nghiệp xuất khẩu luôn phải đối mặt với tình trạng không ổn định theo tình trạng đóng và mở tại các cửa khẩu với Trung Quốc. Chính vì vậy, việc tăng

dần xuất khẩu bằng hình thức chính ngạch và giảm xuất khẩu tiểu ngạch là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh đó, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để tránh phụ thuộc vào thị trường này cũng sẽ góp phần thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu rau quả tăng trưởng trong thời gian tới.

Đáng chú ý, trong 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng rau quả sang các thị trường như Hoa Kỳ, Úc, Hàn Quốc, Hà Lan, Đài Loan, Hồng Kông và Nhật Bản đã tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2021.

Thị trường xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					4T/2022	4T/2021
Tổng	327.048	-19,1	1.173.337	-14,3	100,0	100,0
Trung Quốc	172.493	-32,7	625.815	-27,7	53,3	63,2
Hoa Kỳ	25.187	20,9	87.047	51,4	7,4	4,2
Hàn Quốc	18.745	21,3	60.221	19,4	5,1	3,7
Nhật Bản	14.507	0,3	50.140	7,5	4,3	3,4
Thái Lan	6.943	-30,0	33.541	-28,3	2,9	3,4
Úc	6.643	16,3	30.342	22,7	2,6	1,8
Đài Loan	9.081	3,3	29.971	11,1	2,6	2,0
Hà Lan	9.423	44,9	26.364	15,5	2,2	1,7
Các TVQ Ả rập Thống nhất	4.916	-18,8	17.861	-5,5	1,5	1,4
Hồng Kông	7.829	9,7	17.723	10,6	1,5	1,2
Thị trường khác	51.281	-3,9	194.311	1,0	16,6	14,1

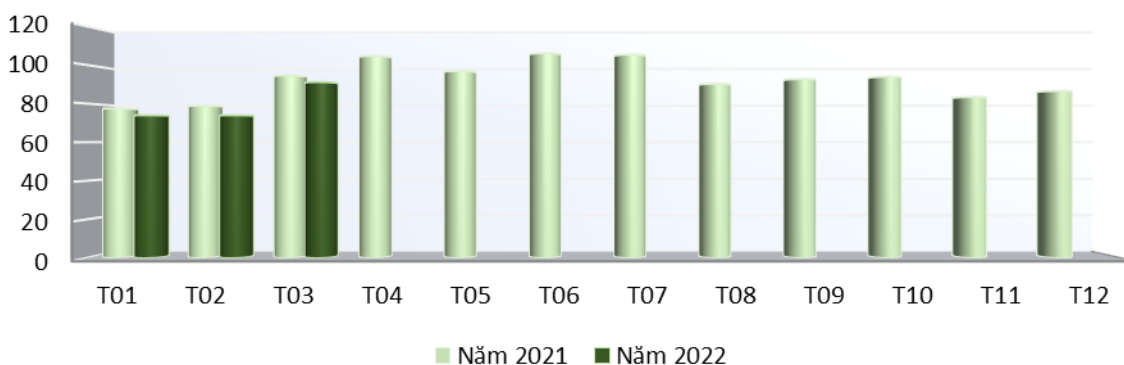
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU TRÁI CHUỐI CỦA NHẬT BẢN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, nhập khẩu trái chuối (mã HS 0803) của Nhật Bản trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 244,3 nghìn tấn, trị giá 22,4 tỷ Yên (tương đương 171,2

triệu USD), giảm 2,5% về lượng và tăng 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá chuối nhập khẩu bình quân đạt 91,7 nghìn Yên/tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu trái chuối của Nhật Bản năm 2021 – 2022 (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Phi-líp-pin là thị trường cung cấp trái chuối chính cho Nhật Bản trong 3 tháng đầu năm 2022, đạt 190,8 nghìn tấn, trị giá 17,3 tỷ Yên (tương đương 132,39 triệu USD), tăng 0,5% về lượng và tăng 6,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 78,1% tổng lượng chuối nhập khẩu vào Nhật Bản. Tiếp theo là thị trường Ê-cu-a-đo, Mê-hi-cô, Goa-tê-ma-la, Pê-ru, Cốt-xta Ri-ca...

Việt Nam là thị trường cung cấp trái chuối lớn thứ 7 cho Nhật Bản trong 3 tháng đầu năm 2022, đạt 1,5 nghìn tấn, trị giá 166 triệu Yên (tương đương 1,3 triệu USD), tăng 38,5% về lượng và tăng 30,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng nhập khẩu trái chuối từ Việt Nam chỉ chiếm 0,6% trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản, tăng 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

Thị trường cung cấp trái chuối cho Nhật Bản 3 tháng đầu năm 2022

Thị trường	3 tháng năm 2022				So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng 3 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn Yên)	Trị giá (nghìn USD)	Giá (Yên/kg)	Lượng	Trị giá	Giá	Năm 2022	Năm 2021
Tổng	244.342	22.418.309	171.184	91,7	-2,5	3,5	6,2	100,0	100,0
Phi-Líp-pin	190.843	17.337.768	132.390	90,8	0,5	6,3	5,8	78,1	75,7
Ê-cu-a-đo	29.129	2.587.594	19.759	88,8	-8,2	3,2	12,5	11,9	12,7
Mê-hi-cô	13.905	1.521.220	11.616	109,4	-23,3	-9,5	18,1	5,7	7,2
Goa-tê-ma-la	4.807	313.818	2.396	65,3	-8,8	-44,9	-39,6	2,0	2,1
Pê-ru	1.782	193.584	1.478	108,7	31,5	30,2	-1,0	0,7	0,5
Cốt-xta Ri-ca	499	53.421	408	107,1	-53,9	-33,1	45,2	0,2	0,4
Việt Nam	1.497	166.028	1.268	110,9	38,5	50,5	8,7	0,6	0,4
Indonesia	640	54.267	414	84,8	18,4	34,9	13,9	0,3	0,2
Thái Lan	701	92.027	703	131,3	31,8	40,5	6,7	0,3	0,2
Cô-lôm-bi-a	49	5.935	45	120,8	-90,4	-89,0	15,5	0,0	0,2
Thị trường khác	491	92.647	707	188,8	-16,0	-3,6	14,8	0,2	0,2

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

(Ghi chú: Tỷ giá 1 USD= 130,96 Yên)

THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

- ▶ Đầu tháng 5/2022, giá tinh bột sản và sản nguyên liệu của Thái Lan tăng, giá xuất khẩu sản lát ổn định so với cuối tháng 4/2022.
- ▶ Giá sản nguyên liệu trong nước đầu tháng 5/2022 ổn định do đã vào cuối vụ thu hoạch và hoạt động xuất khẩu chậm.
- ▶ 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam tăng 0,3% về lượng và tăng 16,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Quý I/2022, thị phần tinh bột sản của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2021.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Từ đầu tháng 5/2022 đến nay, giá tinh bột sản nội địa, tinh bột sản xuất khẩu và giá sản nguyên liệu của Thái Lan được điều chỉnh tăng, trong khi giá sản lát xuất khẩu được giữ ổn định so với cuối tháng 4/2022.

Hiệp hội tinh bột sản Thái Lan thông báo điều chỉnh giá sản xuất khẩu tinh bột sản lên mức 515 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với cuối tháng 4/2022; giá thu mua tinh bột sản nội địa cũng được điều chỉnh lên mức 16,5 Baht/kg, tăng 0,4 Baht/kg so với cuối tháng 4/2022. Trong khi đó, Hiệp hội thương mại khoai mì Thái Lan thông báo giữ giá sản xuất khẩu sản lát ở mức 280 - 285 USD/tấn FOB-Băng Cốc, ổn định so với cuối tháng 4/2022; trong khi giá sản nguyên liệu được điều

chỉnh lên mức 2,75-3,25 Baht/kg, tăng 0,2-0,25 Baht/kg so với cuối tháng 4/2022.

Bộ Thương mại Thái Lan cho biết, triển vọng xuất khẩu sản của Thái Lan dự kiến sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2022 nhờ nhu cầu toàn cầu tăng và giá ngũ cốc tăng mạnh. Sản lượng sản củ tươi của Thái Lan trong niên vụ 2021/22 dự báo đạt 35,09 triệu tấn, giảm 1% so với niên vụ trước do lũ lụt ở miền Trung và hạn hán ở một số khu vực canh tác của nước này. Trước đó, Ủy ban Chính sách và Quản lý sản của Thái Lan đã phê duyệt 10 dự án trị giá 474 triệu Baht, chủ yếu tập trung vào việc chấm dứt bệnh khảm sản kể từ năm 2023-2027.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Từ đầu tháng 5/2022 đến nay, giá củ sắn tươi tại hầu hết các tỉnh khu vực miền Trung, Tây Nguyên không có nhiều biến động, thu hoạch dần vào cuối vụ, trong khi đầu ra xuất khẩu chậm. Mưa lớn kéo dài khiến một số diện tích sắn trồng trên ruộng trũng tại Tây Ninh bị ngập khá nặng.

Tình hình thông quan tại một số cửa khẩu biên giới phía Bắc vẫn chưa có nhiều cải thiện. Tốc độ thông quan có thể tăng trong thời gian tới do lượng lái xe người Trung Quốc hoạt động trở lại nhiều hơn.

Hiện nay, tại tỉnh Gia Lai có trên 80.000 ha sắn, được trồng chủ yếu ở các huyện như: Krông Pa, Ayun Pa và huyện Ia Pa. Với đặc tính dễ trồng, dễ chăm sóc, chịu hạn tốt nên cây sắn phù hợp với trình độ canh tác ở vùng dân tộc thiểu số và nơi đất đai bạc màu, thiếu nước. Tuy vậy, với năng suất trung bình hiện khoảng 20,1 tấn/ha, sau khi trừ chi phí, mỗi ha sắn cho thu chỉ từ 20 đến 30 triệu đồng/năm. So với những cây trồng khác, hiệu quả từ cây sắn mang lại cho nông dân còn thấp.

Diện tích trồng sắn ở Tây Ninh đạt khoảng 59.000-62.000 ha. Năng suất trung bình đạt khoảng 33 tấn/ha; sản lượng khoảng hơn 1,96 triệu tấn củ tươi/năm. Hiện nay, tổng diện tích sắn còn trên đồng là 46.613 ha. Diện tích nhiễm bệnh khảm lá sắn còn trên đồng là 36.968 ha, chiếm 79,3% diện tích. Các vùng trồng sắn chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ và chưa phát sinh diện tích nhiễm nặng.

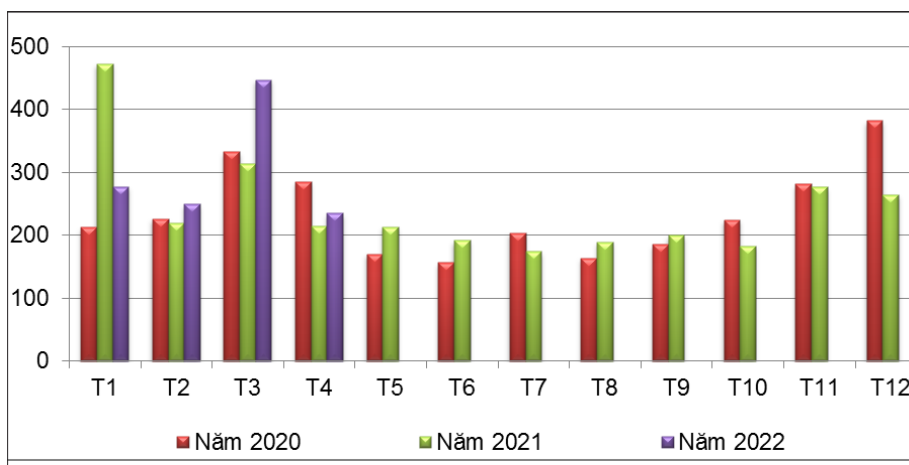
Tại Phú Yên, theo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Phú Yên, niên vụ sắn 2021/2022, tỉnh Phú Yên đã trồng được 29.709 ha sắn, đến nay đã thu hoạch 24.048,8 ha; ước năng suất bình quân khoảng 166 tạ/ha (trong khi đó theo kế hoạch ngành nông nghiệp tỉnh đề ra năng suất sắn đạt 220 tạ/ha). Niên vụ sắn 2022/23, toàn tỉnh đã trồng 13.132 ha, đang ở giai đoạn phát triển thân lá. Hiện bệnh khảm lá virus gây hại hơn 5.500 ha; trong đó huyện Sông Hinh nhiễm 2.000 ha, Đồng Xuân diện tích nhiễm 1.500 ha, Phú Hòa diện tích nhiễm 20 ha...

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẴN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẴN

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, Việt Nam xuất khẩu được 234,98 nghìn tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, trị giá 105,01 triệu USD, giảm 47,4% về lượng và giảm 47,1% về trị giá so với tháng 3/2022; so với tháng 4/2021 tăng 10,8% về lượng và tăng 31,7% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân sắn và các sản

phẩm từ sắn ở mức 446,9 USD/tấn, tăng 0,6% so với tháng 3/2022 và tăng 18,9% so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 1,19 triệu tấn, trị giá 517,17 triệu USD, tăng 0,3% về lượng và tăng 16,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Lượng sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu của Việt Nam năm 2020 - 2022 (ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính riêng mặt hàng sắn, tháng 4/2022, xuất khẩu đạt 73,92 nghìn tấn, trị giá 23,06 triệu USD, giảm 45,5% về lượng và giảm 43,6% về trị giá so với tháng 3/2022; so với tháng 4/2021 giảm 28,7% về lượng và giảm 16,7% về trị giá. Giá xuất

khẩu bình quân ở mức 312 USD/tấn, tăng 3,5% so với tháng 3/2022 và tăng 16,9% so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu sắn đạt 391,61 nghìn tấn, trị giá 114,08 triệu USD, giảm 21,1% về lượng và giảm 9,4% về trị giá so với

cùng kỳ năm 2021.

Trong tháng 4/2022, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản sang Trung Quốc chiếm 87,5% tổng lượng sản và các sản phẩm từ sản của cả nước, với 205,5 nghìn tấn, trị giá 91,64 triệu USD, giảm 48,9% về lượng và giảm 49% về trị giá so với tháng 3/2022; so với tháng 4/2021 tăng 12,4% về lượng và tăng 32,2% về trị giá. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 1,09 triệu tấn sản và các sản phẩm từ sản, trị giá 473,3 triệu USD, giảm 1,9% về lượng, nhưng tăng 14,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhìn chung, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của nước ta vẫn phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc. Hiện nay, ngành sản Việt Nam vẫn chưa tận dụng được các cơ hội để mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước, các khu vực có ký FTA. Theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã ký kết, tinh bột sản là sản phẩm được cấp hạn ngạch miễn thuế quan đứng thứ hai sau lúa gạo; thuế xuất khẩu tinh bột sản ngoài hạn ngạch là 166 EUR/tấn; sản củ tươi, sản đông lạnh cắt lát hoặc không ngoài hạn ngạch tính thuế là 9,5 EUR/kg.

Thị trường xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022		So với tháng 4/2021 (%)		4 tháng đầu năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	234.988	105.015	10,8	31,7	1.191.388	517.178	0,3	16,7
Sản	73.921	23.064	-28,7	-16,7	391.612	114.087	-21,1	-9,4
Trung Quốc	205.506	91.640	12,4	32,3	1.090.168	473.308	-1,9	14,7
Hàn Quốc	14.544	5.039	-41	-35,7	62.112	21.466	40,6	50,8
Đài Loan	2.908	1.481	75,5	68,9	10.184	5.325	-22,4	-15,2
Phi-líp-pin	3.497	1.807	2.790	6.158,3	9.602	4.889	254,1	301,4
Ma-lai-xi-a	746	380	292,6	258,3	2.162	1.111	42,2	45,3
Pa-ki-xtan	340	282	-28,6	-18,5	1.020	836	-11,8	2,9
Nhật Bản					66	63	-55,1	-36,9
Thị trường khác	7.447	4.385	237,9	241	16.074	10.179	17,7	40,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẴN VÀ TINH BỘT SẴN CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

+ Sẵn: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý I/2022, kim ngạch nhập khẩu sẵn (mã HS 071410) của Trung Quốc đạt 530,8 triệu USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2021. Thái Lan, Việt Nam và Lào là 3 thị trường cung cấp sẵn lát lớn nhất cho Trung Quốc.

Việt Nam là thị trường cung cấp sẵn lớn thứ hai cho Trung Quốc. Trong quý I/2022, kim ngạch nhập khẩu sẵn của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 70,22 triệu USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần sẵn của Việt Nam chiếm 13,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sẵn của Trung Quốc, giảm so với mức 16,5% của cùng kỳ năm 2021.

Trong khi đó, quý I/2022, kim ngạch nhập khẩu sẵn của Trung Quốc từ Thái Lan đạt 453,65 triệu USD, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần sẵn của Thái Lan chiếm tới 85,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sẵn của Trung Quốc, tăng mạnh so với mức 81,7% của cùng kỳ năm 2021.

+ Tinh bột sắn: Trong quý I/2022, Trung Quốc nhập khẩu 1,16 triệu tấn tinh bột sắn (mã HS 11081400), trị giá 607,17 triệu USD, tăng 26,8% về lượng và tăng 43,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia và In-đô-nê-xi-a. Trong đó, Thái Lan vẫn là thị trường lớn nhất cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc với 715,58 nghìn tấn, trị giá 380,17 triệu USD, tăng 12,8% về lượng và tăng 28,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Việt Nam là thị trường lớn thứ 2 cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc trong quý I/2022,

đạt 357,1 nghìn tấn, trị giá 181,96 triệu USD, tăng 87,7% về lượng và tăng 113,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam chiếm 30,7% trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc, tăng so với mức 20,7% của cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, thị phần tinh bột sắn của Thái Lan chiếm 61,5%, giảm mạnh so với mức 69,1% của cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, trong quý I/2022, Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu tinh bột sắn từ Lào với 61,45 nghìn tấn, trị giá 30,27 triệu USD, tăng tới 218,7% về lượng và tăng 251% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần tinh bột sắn của Lào chiếm 5,3% trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc, tăng mạnh so với mức 2,1% của cùng kỳ năm 2021.



Thị trường cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc trong tháng 3/2022 và quý I/2022

Thị trường	Tháng 3/2022		So với tháng 3/2021 (%)		Quý I/2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Quý I/2021	Quý I/2022
Tổng	453.767	236.151	18,2	30,7	1.164.169	607.173	26,8	43,8	100	100
Thái Lan	243.476	130.406	-22,3	-12,4	715.588	380.169	12,8	28,3	69,1	61,5
Việt Nam	174.201	88.013	444,2	495,1	357.107	181.967	87,7	113,2	20,7	30,7
Lào	25.426	12.329	261,7	281,6	61.451	30.271	218,1	251,0	2,1	5,3
Căm-pu-chia	10.284	5.214	37,8	49,3	17.174	8.765	33,8	49,3	1,4	1,5
In-đô-nê-xi-a	380	188	-98,4	-98,2	9.984	4.838	-83,8	-81,4	6,7	0,8
Thị trường khác					2.865	1.162	7.927	2.546	0,0	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ *Nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh.*
- ▶ *Doanh thu bán hải sản tại các cửa hàng tạp hóa ở Vương quốc Anh trong quý kết thúc vào ngày 20/3/2022 giảm 8,3% so với quý trước đó do lạm phát.*
- ▶ *Trong tháng 4/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan, trừ xuất khẩu sang thị trường Anh giảm.*
- ▶ *3 tháng đầu năm 2022, thị phần tôm của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2021.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- **Trung Quốc:** Trong 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc đạt 174 nghìn tấn, trị giá 1,13 tỷ USD, tăng 30% về lượng và tăng 57% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Ê-cu-a-đo là thị trường cung cấp tôm nước ấm đông lạnh lớn nhất cho Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2021, đạt 125 nghìn tấn, trị giá 797 triệu USD, tăng 36% về lượng và tăng 73% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 72% tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc. Nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc từ Ấn Độ đạt 22.100 tấn, trị giá 148 triệu USD, tăng 26% về lượng và tăng 41% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Ấn Độ chủ yếu cung cấp tôm đông lạnh bỏ đầu để làm nguyên liệu chế biến tại

Trung Quốc.

- **Anh:** Theo công ty nghiên cứu Kantar, doanh thu bán hải sản tại các cửa hàng tạp hóa ở Vương quốc Anh trong quý kết thúc vào ngày 20/3/2022 giảm 8,3% so với quý trước đó do lạm phát cao. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2021, doanh thu tiêu thụ thủy sản của Vương quốc Anh vẫn tăng 5,6%.

Các mặt hàng thủy sản đông lạnh có mức tiêu thụ giảm mạnh so với quý trước đó gồm: thủy sản tẩm bột giảm 15,1%; tẩm bột chiên giảm 15,2%; hun khói giảm 12,6%; thủy sản có vỏ giảm 11,3% và thủy sản tự nhiên giảm 11,2%. Cá chế biến giá trị gia tăng là mặt hàng duy nhất có doanh thu bán hàng tăng (tăng 4,3%).



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Theo Tổng cục Thống kê, tháng 4/2022, sản lượng thủy sản của Việt Nam ước đạt 736,4 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó sản lượng cá đạt 528,6 nghìn tấn, tăng 2%; sản lượng tôm đạt 99,2 nghìn tấn, tăng 7,8%; sản lượng thủy sản khác đạt 108,6 nghìn tấn, tăng 1,3%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 4/2022 ước đạt 380,4 nghìn tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 252 nghìn tấn, tăng 5%; tôm đạt 86,5 nghìn tấn, tăng 9,2%; thủy sản khác đạt 41,9 nghìn tấn, tăng 4,2%. Sản lượng cá tra trong tháng 4/2022 ước đạt 125,4 nghìn tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm thẻ chân trắng tháng 4/2022 ước đạt 60 nghìn tấn, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 22,6 nghìn tấn, giảm 0,9%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 4/2022 ước đạt 356 nghìn tấn, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 276,6 nghìn tấn, giảm 0,6%; tôm đạt 12,7 nghìn tấn, giảm 0,8%; thủy sản khác đạt 66,7 nghìn tấn, giảm 0,4%. Khai thác thủy sản biển trong tháng giảm do chi phí xăng, dầu tăng cao, thời tiết đầu tháng 4/2022 bất lợi đối với đánh bắt xa bờ, các tỉnh Duyên hải miền Trung chịu ảnh hưởng bởi các đợt mưa lũ bất thường, sóng lớn. Sản lượng khai thác biển tháng 4/2022 ước đạt 342 nghìn tấn, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước.

4 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản của Việt Nam ước đạt 2,6 triệu tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 1,368 triệu tấn, tăng 5,3%; Sản lượng thủy sản khai thác đạt 1,231 triệu tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021.



THÁNG 4/2022, XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG HẦU HẾT CÁC THỊ TRƯỜNG LỚN TĂNG MẠNH

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 1,13 tỷ USD, tăng 50,6% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản đạt 3,65 tỷ USD, tăng 46,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan, trừ xuất khẩu sang thị trường Anh giảm trong tháng 4/2022. Trong đó, xuất khẩu thủy sản sang 2 thị trường lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ và Trung Quốc tăng mạnh.

Đáng chú ý, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh, mặc dù chính sách “Zero

Covid” khiến hoạt động vận tải gặp khó khăn, việc kiểm tra Covid trên hàng đông lạnh ngày càng khắt khe. Tuy nhiên, việc nhiều tỉnh, thành phố tại Trung Quốc bị phong tỏa khiến nguồn cung thủy sản cho tiêu thụ nội địa và chế biến xuất khẩu gặp khó khăn. Do đó, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc các tháng đầu năm 2022 đạt mức tăng trưởng 3 con số so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường lớn trong Liên minh châu Âu cũng tăng mạnh. Theo đó, 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hà Lan tăng 64,8% so với cùng kỳ năm 2021; xuất khẩu sang Bỉ tăng 76,8%; xuất khẩu sang Đức tăng 39,3%.

Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
Tổng	1.130.214	50,6	3.649.926	46,8
Hoa Kỳ	275.580	84,6	849.856	75,0
Trung Quốc	210.491	129,2	533.669	111,8
Nhật Bản	142.980	16,4	490.205	13,9
Hàn Quốc	85.196	27,0	288.731	26,5
Ca-na-đa	44.193	107,0	139.501	73,5
Úc	35.479	60,3	128.156	53,8
Thái Lan	27.499	26,8	108.260	23,8
Anh	25.889	-12,7	93.467	5,7
Hà Lan	25.665	38,3	97.284	64,8
Bỉ	19.927	71,9	63.644	76,8
Đức	19.713	5,6	73.802	39,3
Đài Loan	16.482	32,5	50.662	34,1
Ma-lai-xi-a	15.389	22,7	51.789	40,9
Mê-hi-cô	13.040	76,5	46.166	57,2
Hồng Kông	12.417	4,0	45.888	15,1
Thị trường khác	160.274	21,7	588.848	28,3

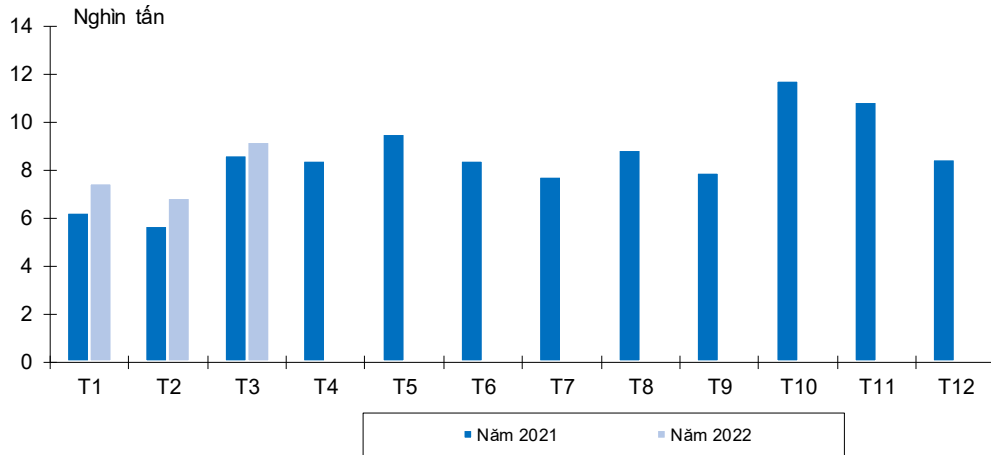
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG TÔM NHẬP KHẨU CỦA HÀN QUỐC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê của Hải quan Hàn Quốc, tháng 3/2022, nhập khẩu tôm của nước này đạt 9,2 nghìn tấn, trị giá 73,7 triệu USD, tăng 6,3% về lượng và tăng 11,1% về trị giá so với cùng kỳ

năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm của Hàn Quốc đạt 23,5 nghìn tấn, trị giá 190,04 triệu USD, tăng 14,2% về lượng và tăng 24,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu tôm của Hàn Quốc năm 2021 – 2022



Nguồn: Số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Tháng 3/2022, Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn nhất cho Hàn Quốc, chiếm 52,9% về lượng, đạt 4,8 nghìn tấn, trị giá 37,6 triệu USD, tăng 5,3% về lượng và tăng 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm của Hàn Quốc từ Việt Nam đạt 12 nghìn tấn, trị giá 95,5 triệu USD, tăng 18,6% về lượng và tăng 28,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần tôm của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng từ 49,1% trong 3

tháng đầu năm 2021, lên 51,04% trong 3 tháng đầu năm 2022.

Đáng chú ý, nhập khẩu tôm của Hàn Quốc từ Pê-ru trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021, đưa nước này trở thành thị trường cung cấp tôm lớn thứ 2 cho Hàn Quốc. Trong khi nhập khẩu tôm của Hàn Quốc từ Thái Lan, Ê-cu-a-đo và Ấn Độ giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Thị trường cung cấp tôm cho Hàn Quốc tháng 3 và 3 tháng năm 2022

Thị trường	Tháng 3/2022		So với tháng 3/2022 (%)		3 tháng năm 2022		So với 3 tháng năm 2021 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	3 tháng 2022	3 tháng 2021
Tổng	9.197	73.718	6,3	11,1	23.515	190.039	14,2	24,1	100	100,0
Việt Nam	4.863	37.594	5,3	7,3	12.002	95.481	18,6	28,5	51,04	49,1
Pê-ru	1.359	9.892	376,9	433,3	2.046	14.892	145,8	189,2	8,7	4,0
Thái Lan	470	6.067	-39,3	-38,2	1.196	15.289	-28,3	-23,5	5,09	8,1
Ê-cu-a-đo	775	5.288	-36,8	-25	2.606	18.180	-15,1	1,8	11,08	14,9
Trung Quốc	773	5.104	14,3	28,4	2.822	19.415	33,4	54,2	12	10,3
Nga	165	2.730	378,8	825,4	165	2.734	149,3	288,4	0,7	0,3
Ăc-hen-ti-na	225	2.515	39,3	46,7	589	6.838	2,9	8,8	2,51	2,8
Ma-lai-xi-a	275	2.425	-44	-40,7	1.011	9.519	-12,7	3,2	4,3	5,6
Ấn Độ	109	602	-12,2	-21,7	339	2.395	-23,3	-17,3	1,44	2,1
In-đô-nê-xi-a	56	505	34,1	209,8	139	1.124	41,2	116,6	0,59	0,5
Ca-na-đa	61	459	14,2	65,1	130	760	-19,5	17,1	0,55	0,8
Ghi-nê	14	140	32,7	-0,7	54	465	127,7	47,6	0,23	0,1
Phi-lip-pin	9	117	-71,9	-73,4	35	494	-18,6	-20,7	0,15	0,2
Băng-la-đét	15	93	-60,1	-72,7	26	187	-42	-57,1	0,11	0,2
Thị trường khác	28	187	-66,1	-57,2	354	2.266	110	41,7	1,5	0,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Năm 2022, các nhà sản xuất đồ nội thất của Nga dự báo doanh thu sẽ giảm ít nhất 50%, trong bối cảnh nhu cầu yếu, thu nhập của người tiêu dùng thấp và lạm phát cao.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc.
- ▶ Trong 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 5,6 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2021.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Nga: Dẫn nguồn Wood365.cn, theo Hiệp hội ngành công nghiệp chế biến gỗ và nội thất của Nga (AMDPR), hiện tại các nhà sản xuất đồ nội thất tại Nga đang đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng nhu cầu trong nước, thay thế các sản phẩm của IKEA tại thị trường, sau khi IKEA tuyên bố rút khỏi Nga vào tháng 3/2022. Nhu cầu đồ nội thất tại Nga tăng mạnh trong tháng 3 và tháng 4 năm 2022. Năm 2022, các nhà sản xuất đồ nội thất của Nga dự báo doanh thu sẽ giảm ít nhất 50%, trong bối cảnh nhu cầu yếu, thu nhập của người

tiêu dùng thấp hơn, lạm phát cao.

Trong quý I/2022, giá đồ nội thất tăng trung bình 12,5% so với cùng kỳ năm 2021. Giá tăng là do các nhà sản xuất đồ nội thất của Nga phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Hơn 90% phụ kiện, vải và chất phủ đồ nội thất cần phải nhập khẩu. Bên cạnh đó, đồng rúp mất giá nên giá của các nguyên liệu này tăng mạnh, làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất của sản phẩm và khiến doanh thu của các nhà sản xuất đồ nội thất của Nga giảm mạnh.



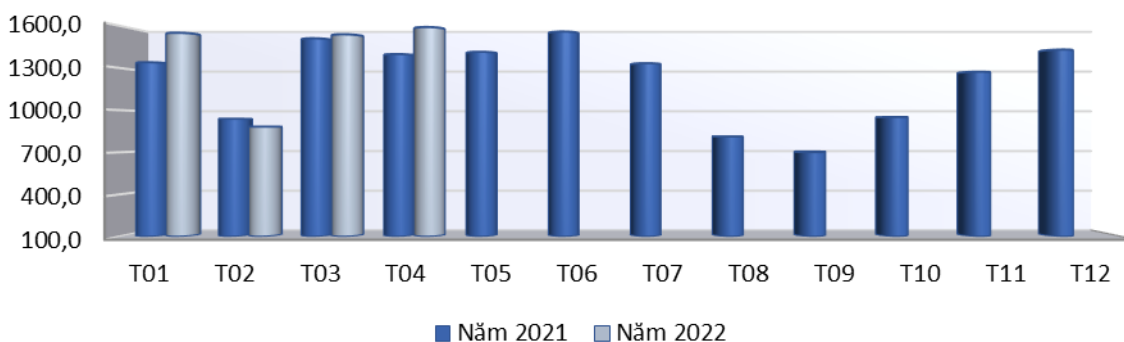
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 4/2022 đạt 1,59 tỷ USD, tăng 12% so với tháng 4/2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 1,14 tỷ USD, tăng 5,5% so với tháng 4/2021. Trong 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 5,6 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 4,17 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có triển vọng khả quan trong thời gian tới, bởi nhu cầu tại các thị trường lớn tăng trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch. Tuy nhiên, đà tăng trưởng của ngành gỗ trong năm 2022 bị cản trở bởi chi phí vận chuyển, chi phí hàng hoá tăng, sau khi cuộc xung đột giữa Nga và U-crai-na xảy ra, điều này khiến doanh nghiệp ngành gỗ gặp nhiều khó khăn hơn.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ qua các tháng năm 2021 – 2022

(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường chính đều tăng, trừ thị trường Anh và Đức. Trong đó, trị giá xuất khẩu tới thị trường Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng cao, đạt 3,3 tỷ USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 59,7% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Với quy mô dân số hơn 333 triệu người

cùng sức mua lớn, lại đang trong giai đoạn phục hồi mạnh sau đại dịch, Hoa Kỳ là thị trường tiềm năng đối với gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 545,2 triệu USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2021; Trung Quốc đạt 539,9 triệu USD, tăng 2,3%; Hàn Quốc đạt 356,6 triệu USD, tăng 21,2%...

Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng 4 tháng (%)	
					Năm 2022	Năm 2021
Tổng	1.589.925	12,0	5.595.069	6,7	100,0	100,0
Hoa Kỳ	935.034	13,3	3.338.467	6,6	59,7	59,7
Nhật Bản	151.475	28,6	545.193	14,9	9,7	9,0
Trung Quốc	186.075	8,0	539.924	2,3	9,6	10,1
Hàn Quốc	107.815	28,1	356.639	21,2	6,4	5,6
Anh	28.757	-0,5	100.805	9,4	1,8	1,8
Ca-na-đa	24.065	33,6	89.652	7,0	1,6	1,6
Úc	18.336	27,5	64.306	17,8	1,1	1,0
Đức	13.129	-4,9	54.762	3,6	1,0	1,0
Pháp	11.882	13,1	50.183	6,1	0,9	0,9
Ma-lai-xi-a	15.582	17,4	48.796	29,3	0,9	0,7
Thị trường khác	97.775	-19,5	406.341	-9,2	7,3	8,5

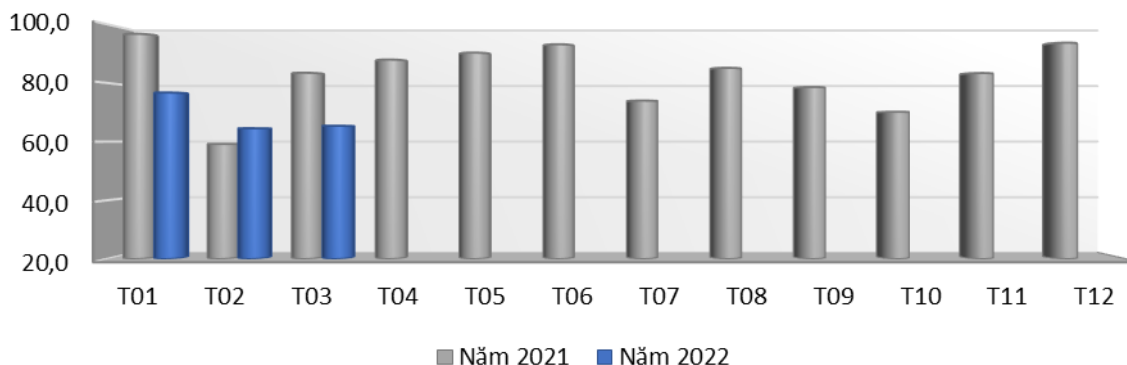
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 3/2022 Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 65,3 triệu USD, giảm 21,7% so với tháng 3/2021. 3 tháng

đầu năm 2022, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 206,6 triệu USD, giảm 13,7% so với năm 2021.

Kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ vào thị trường Trung Quốc qua các tháng năm 2020 – 2021 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất từ thị trường Ý trong 3 tháng đầu năm 2022, đạt 102,3 triệu USD, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 49,5% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc; Tiếp theo là thị trường Đức đạt 27,3 triệu USD,

tăng 3,8%, chiếm 13,2%; Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 3 cho Trung Quốc, nhưng trị giá chỉ chiếm 6,7% tổng trị giá nhập khẩu, đạt 13,8 triệu USD, giảm 24% so với cùng kỳ năm 2021.

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Trung Quốc trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 3/2022 (nghìn USD)	So với tháng 3/2021 (%)	3 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2022	Năm 2021
Tổng	65.374	-21,7	206.612	-13,7	100,0	100,0
Ý	30.468	-15,7	102.261	-13,3	49,5	49,3
Đức	8.933	-19,9	27.254	3,8	13,2	11,0
Việt Nam	4.537	-41,3	13.848	-24,0	6,7	7,6
Ba Lan	3.323	-19,1	9.826	-23,9	4,8	5,4
Pháp	2.047	-5,4	5.343	10,3	2,6	2,0
Thái Lan	1.847	-37,5	4.771	-32,9	2,3	3,0
In-đô-nê-xi-a	1.432	-12,2	3.868	-6,1	1,9	1,7
Lít-va	957	-73,2	3.822	-57,4	1,8	3,7
Ru-ma-ni	1.200	119,4	3.383	71,7	1,6	0,8
Ma-lai-xi-a	1.383	0,0	3.375	-34,5	1,6	2,2
Thị trường khác	9.248	-23,1	28.862	-9,3	14,0	13,3

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Mặt hàng nhập khẩu

Trung Quốc nhập khẩu nhiều nhất là mặt hàng ghế khung gỗ (mã HS 940161 + 940169) trong 3 tháng đầu năm 2022, đạt 72,9 triệu USD,

giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2021, tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này chiếm 35,3% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ. Trung Quốc nhập khẩu ghế khung gỗ chủ yếu từ thị trường Ý, với trị

giá chiếm 60,3% tổng trị giá mặt hàng ghế khung gỗ nhập khẩu. Tiếp theo là thị trường Việt Nam, Thái Lan, Pháp...

Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (mã HS 940360) là mặt hàng nhập khẩu lớn thứ 2 trong 3 tháng đầu năm 2022, đạt 67,9 triệu USD, giảm 21,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu từ Ý chiếm 44,7% tổng trị

giá đồ nội thất phòng khách và phòng ăn nhập khẩu, đạt 30,4 triệu USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn từ một số thị trường khác nhưng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong 3 tháng đầu năm 2022 như: Việt Nam chiếm 11,1%; Ba Lan chiếm 8,6%; Đức chiếm 4,9%; Lit-va chiếm 4,1%...

Trung Quốc nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2022

Mặt hàng (mã HS)	Tháng 3/2022 (nghìn USD)	So với tháng 3/2021 (%)	3 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2022	Năm 2021
Tổng	65.374	-21,7	206.612	-13,7	100,0	100,0
940161 + 940169	22.979	-9,5	72.929	-2,7	35,3	31,3
940360	20.957	-28,5	67.947	-21,1	32,9	36,0
940340	12.238	-4,3	33.354	6,7	16,1	13,1
940350	8.209	-44,3	29.751	-31,4	14,4	18,1
940330	992	-18,7	2.632	-28,1	1,3	1,5

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Ghi chú: Mã HS 940360: đồ nội thất phòng khách và phòng ăn; HS 940350: đồ nội thất phòng ngủ; HS 940340: đồ nội thất nhà bếp; HS 940161 + 940169: ghế khung gỗ; HS 940330: đồ nội thất văn phòng

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.